

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN KRÔNG NÔ  
TỈNH ĐẮK NÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 18/2024/DS-ST  
Ngày: 22/8/2024  
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NÔ, TỈNH ĐẮK NÔNG

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lại Hồng Duy.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quang Châu và ông Hồ Quang Hiền.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Vi Thế Nam – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Tuấn Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2024/TLST-DS, ngày 05 tháng 01 năm 2024, về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2024/QĐXX-ST ngày 04 tháng 7 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 256/2024/QĐST-DS, ngày 22/7/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 283/2024/QĐST-DS, ngày 06/8/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng.

Người đại diện theo pháp luật: Bà D – Tổng giám đốc.

Địa chỉ: Số a, b, đường N, phường S, quận X, thành phố Hồ Chí Minh.

Người được ủy quyền ông K – Phó giám đốc chính nhánh tỉnh Đ, kiêm trưởng phòng giao dịch huyện J, tỉnh Đắk Nông.

Đại diện theo ủy quyền lại: Ông T – Phó phòng giao dịch huyện J, tỉnh Đắk Nông, có mặt.

Địa chỉ: Lô D1, KCN T, xã T, huyện J, tỉnh Đắk Nông.

- Bị đơn: Ông C, sinh năm 1993; địa chỉ: Thôn Đ, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông, vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo nội dung đơn khởi kiện, lời khai của người đại diện theo ủy quyền lại của nguyên đơn, ông T trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa trình

bày:

Ngày 22/01/2020, ông C có thỏa thuận và ký kết hợp đồng tín dụng với Ngân hàng về sử dụng thẻ tín dụng. Trước khi ký kết hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, Ngân hàng đã yêu cầu ông C phải đọc bảng Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của ngân hàng phát hành, các biểu mẫu về lãi và phí dịch vụ liên quan đến việc sử dụng thẻ tín dụng.

Ông C đọc xong Bảng điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân và các bảng lãi và chi phí dịch vụ liên quan đến sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng phát hành, ông C đã làm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng số 1414219, ngày 22/01/2020, với hạn mức 40 triệu đồng, mục đích Kinh doanh tiệm tạp hoá tại xã Năm N'đir, huyện Krông Nô, Ngân hàng đã cấp thẻ tín dụng với số tài khoản 050114356481 tên chủ tài khoản C, lãi suất tại thời điểm làm thẻ là 31,2% và lãi suất quá hạn 150%.

Ông C đã thực hiện giao dịch rút tổng số tiền là 70.149.600 đồng và đã thanh toán cho tổng số tiền 71.729.872 đồng, trong đó tiền gốc là 30.951.754 đồng, tiền lãi là 36.613.159 đồng, tiền phí là 4.164.959 đồng.

Đến ngày 05/01/2023, ông C vi phạm nghĩa vụ thanh toán, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của ông C và chuyển toàn bộ dư còn nợ sang nợ quá hạn. Hiện tại, ông C nợ tổng số tiền 72.450.156 đồng, tính đến ngày 22/8/2024, trong đó: 22.168.207 đồng lãi trong hạn, 11.084.103 đồng lãi quá hạn, nợ gốc 39.197.846 đồng.

Ngân hàng đã nhiều lần ra thông báo với ông C, yêu cầu ông C thanh toán khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để khách hàng trả nợ. Tuy nhiên, khách hàng vẫn chưa thanh toán cho Ngân hàng, ông C vi phạm hợp đồng đã ký kết.

Nay Nguyên đơn khởi kiện và yêu cầu C thanh toán: Tổng số tiền là 72.450.156 đồng (*Bảy mươi hai triệu bốn trăm năm mươi ngàn một trăm năm mươi sáu đồng*), trong đó: Tiền gốc là 39.197.846 đồng, tiền lãi trong hạn là 22.168.207 đồng, tiền lãi quá hạn là 11.084.103 đồng. Từ ngày 23/8/2024, tiếp tục tính lãi suất phát sinh theo Giấy đề nghị cấp thẻ ngày 22/01/2020, bảng Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân và các bảng lãi và chi phí dịch vụ liên quan đến sử dụng thẻ tín dụng cho đến khi thanh toán xong nợ. Ông C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

2. Bị đơn ông C: Tòa án nhân dân huyện Krông Nô đã tiến hành xác minh đối với ông C đăng ký thường trú tại bon Đắc Prí, xã Năm N'đir, huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông, nhưng đã bỏ đi khỏi địa phương từ năm 2021 cho đến nay. Do đó, Tòa án niêm yết và giao cho bà Nguyễn Thị Xuân (mẹ đẻ ông C) các văn bản tố tụng đối với ông C, đồng thời Ngân hàng có đơn đề nghị thông báo tìm kiếm ông C trên Đài tiếng nói Việt Nam và Báo chí Trung ương và ấn định thời gian làm việc. Ông C đều vắng mặt tại các buổi làm việc, không đến Tòa án,

không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh hoặc có yêu cầu phản tố với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền lại của nguyên đơn vẫn giữ nguyên quan điểm khởi kiện của nguyên đơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án.

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn theo quy định pháp luật; Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của bị đơn theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 466, Điều 468, Điều 470 của Bộ luật Dân sự; Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông C phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền 72.450.156 đồng, tạm tính đến ngày 22/8/2024. Kể từ ngày 23/8/2024, cho đến khi thi hành án xong khoản tiền nợ gốc, bị đơn còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận, nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Về lệ phí nhắn tin thông báo tìm kiếm ông C, do nguyên đơn có đơn yêu cầu thông báo nên nguyên đơn phải chịu lệ phí nhắn tin.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ đơn khởi kiện và tài liệu nguyên đơn cung cấp, Ngân hàng là tổ chức tín dụng, hoạt động kinh doanh tiền tệ theo Luật tổ chức tín dụng, người vay tiền tiêu dùng là cá nhân, Ngân hàng khởi kiện và yêu cầu ông C phải trả số tiền vay, nợ lãi phát sinh từ hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng nên đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.1] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Krông Nô đã tiến hành xác minh, ông C có đăng ký thường trú và sinh sống tại Bon Đ, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Krông Nô thụ lý là đúng quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Qua xác minh tại Công an xã N: Ông C đăng ký thường trú tại bon Đ, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông, nhưng đã bỏ đi khỏi địa phương từ năm 2021 cho đến nay. Do đó, Tòa án tiến hành niêm yết và giao cho bà X (mẹ đẻ ông C) các văn bản tố tụng đối với ông C. Đồng thời, Ngân hàng có đơn đề nghị thông báo tìm kiếm và Tòa án ấn định thời gian làm việc đối với ông C nhưng vắng mặt không có lý do. Tòa án tiến hành giải quyết và xét xử vắng mặt ông C là đúng theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao. Ông C vắng mặt, không cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, cũng như đưa ra quan điểm để phản bác lại yêu cầu của nguyên đơn. Theo khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự: *“Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc”*. Như vậy, ông C phải chịu hậu quả về việc không đưa ra được và không đưa ra đủ chứng cứ để bảo vệ cho quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về nội dung vụ án: ông C ký kết hợp đồng tín dụng với hình thức sử dụng thẻ tín dụng quốc tế và được Ngân hàng cấp hạn mức 40.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất trong hạn 31,2%, lãi suất quá hạn 150%.

[2.2] Đây là hợp đồng tín chấp, nên giữa các bên không thực hiện nhận hoặc thế chấp tài sản hoặc giấy tờ có giá trị.

[2.4] Trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng, ông C đã thực hiện giao dịch qua thẻ tín dụng với tổng số tiền 141.879.472 đồng. Ông C đã thanh toán tổng số tiền 71.729.872 đồng, trong đó tiền gốc 30.951.754 đồng, tiền lãi 36.613.159 đồng, tiền phí là 4.164.959 đồng.

Tại thời điểm xét xử ngày hôm nay, ông C còn nợ số tiền gốc 39.197.846 đồng, tiền lãi trong hạn 22.168.207 đồng, tiền lãi quá hạn 11.084.103 đồng, tạm tính đến ngày 22/8/2024.

Ngày 05/01/2023, ông C không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi của thẻ tín dụng đúng hạn, ngân hàng đã chuyển khoản nợ thẻ sang nợ quá hạn. Ngân hàng thông báo chấm dứt sử dụng thẻ tín dụng đối với ông C. Như vậy, ông

C đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của hợp đồng tín dụng đã ký kết. Ngân hàng khởi kiện và yêu cầu ông C thanh toán nợ gốc và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng là phù hợp.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3.1] Nợ gốc: Theo hợp đồng tín dụng, thông qua sử dụng, ông C còn nợ số tiền gốc 39.197.846 đồng, khi đến hạn thanh toán nợ gốc, ông C không thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng tín dụng vi phạm hợp đồng đã ký kết với Ngân hàng. Ngân hàng làm đơn khởi kiện và yêu cầu thanh toán nợ gốc là 39.197.846 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: “*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn...*”.

Điều 280 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: “*1. Nghĩa vụ trả tiền phải được thực hiện đầy đủ, đúng thời hạn, đúng địa điểm và phương thức đã thỏa thuận. 2. Nghĩa vụ trả tiền bao gồm cả tiền lãi trên nợ gốc...*”.

Khoản 1 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng quy định: “*Tổ chức tín dụng có quyền chấm dứt việc cấp tín dụng, thu hồi nợ trước hạn khi phát hiện khách hàng cung cấp thông tin sai sự thật, vi phạm các quy định trong hợp đồng cấp tín dụng*”.

[3.2] Lãi suất trong hạn và quá hạn: Theo hợp đồng tín dụng, các bên thỏa thuận lãi suất trong hạn 31,2%/năm, lãi suất quá hạn 150%.

Điều 280 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: “*... 2. Nghĩa vụ trả tiền bao gồm cả tiền lãi trên nợ gốc...*”. và khoản 2, Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng quy định: “*Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật*”.

Tiền lãi trong hạn phát sinh trên tổng số tiền ông C giao dịch đến ngày 22/8/2024 còn nợ là 22.168.207 đồng và Ngân hàng yêu cầu phải thanh toán là phù hợp.

Đến ngày 05/01/2023, ông C không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi trong hạn của thẻ tín dụng đúng hạn, nên Ngân hàng đã chuyển toàn bộ nợ gốc sang nợ quá hạn và tính lãi suất quá hạn với mức là 40.5%/năm, thành tiền 11.084.103 đồng, tạm tính đến ngày 22/8/2024.

Tổng số tiền ông C phải thanh toán là 72.450.156 đồng (tạm tính đến ngày 22/8/2024), từ ngày 23/8/2024 tiếp tục tính lãi suất quá hạn cho đến khi thanh toán xong nợ gốc, ngân hàng yêu cầu về lãi suất là phù hợp nên cần chấp nhận.

[3.3] Tài sản thế chấp: Không thế chấp tài sản hoặc giấy tờ có giá trị .

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông C phải chịu tiền án phí sơ thẩm trên tổng số tiền phải thanh toán

cho nguyên đơn. Trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

[5] Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn có đơn đề nghị thông báo tìm kiếm bị đơn nên nguyên đơn phải chi toàn bộ chi phí nhấn tiên theo Điều 180 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện xong nghĩa vụ này.

[6] Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô tại phiên toà là có căn cứ, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 144, Điều 147, Điều 177, Điều 179, Điều 180, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 280, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng đối với bị đơn ông C.

2. Buộc ông C có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền 72.450.156 đồng (*Bảy mươi hai triệu bốn trăm năm mươi ngàn một trăm năm mươi sáu đồng*), trong đó tiền gốc là 39.197.846 đồng (*Ba mươi chín triệu một trăm chín mươi bảy ngàn tám trăm bốn mươi sáu đồng*), tiền lãi trong hạn là 22.168.207 đồng (*Hai mươi hai triệu một trăm sáu mươi tám ngàn hai trăm lẻ bảy đồng*), lãi quá hạn 11.084.103 đồng (*Mười một triệu không trăm tám mươi bốn ngàn một trăm lẻ ba đồng*), tạm tính đến ngày 22/8/2024.

Kể từ ngày 23/8/2024, ông C tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay”.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông C phải nộp 3.622.507 đồng (*Ba triệu sáu trăm hai mươi hai ngàn*

*năm trăm lẻ bảy đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.456.000 đồng (*Một triệu bốn trăm năm mươi sáu ngàn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000461, ngày 05/01/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Nông, tỉnh Đắk Nông.

4. Chi phí tố tụng: Nguyên đơn phải chịu tổng số tiền 4.525.000 đồng, chi phí nhân tin thông báo tìm kiếm bị đơn trên Báo và Đài tiếng nói Việt Nam, nguyên đơn đã thực hiện xong.

5. Về nghĩa vụ thi hành án: Theo trình tự và thủ tục thi hành án dân sự.

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Krông Nông;
- Chi cục THA dân sự huyện Krông Nông;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Lại Hồng Duy**

